

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/02/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015 của tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015 của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó TTg CP Nguyễn Xuân Phúc;
- Bộ Nội vụ (vụ CCHC);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban MITQVN và các Đoàn thể;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CT. UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Lưu VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thế Dũng

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính năm 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 709/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) tại các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2015-2020 của tỉnh.

2. Sắp xếp, tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng quy định hiện hành; không ngừng củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành để không còn chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tăng cường phân cấp, ủy quyền quản lý theo quy định nhằm nâng cao tính chủ động, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của các cấp, các ngành.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định, ban hành và thực hiện văn bản QPPL. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính (TTHC) còn chồng chéo, khó thực hiện để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong quá trình thực hiện TTHC.

4. Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được thực hiện theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; thường xuyên rà soát, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, minh bạch các thủ tục hành chính; duy trì, củng cố hoàn thiện nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại 100% cơ quan hành chính Nhà nước của tỉnh. Cắt giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính với cơ quan hành chính Nhà nước; đảm bảo sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước đạt mức trên 60%.

5. Hoàn thiện và trình Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án vị trí việc làm của tỉnh; đảm bảo 60% cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt; trên 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo chức danh.

6. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Duy trì và nâng cao hiệu quả triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 trong giải quyết công việc của các

cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo trên 80% số cơ quan hành chính cấp huyện trở lên được cấp chứng chỉ ISO.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo quy định, trong đó chú trọng khâu tổ chức lấy ý kiến của người dân và các đối tượng chịu sự tác động của văn bản trước khi ban hành.

- Tăng cường kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, đôn đốc và theo dõi việc xử lý văn bản trái pháp luật của UBND các cấp; thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành.

- Rà soát, gỡ bỏ các rào cản về cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Bảo đảm công khai và tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận các văn bản pháp quy.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Đảm bảo thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát TTHC và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về kiểm soát TTHC và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

- Thường xuyên rà soát các quy định, TTHC để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nhằm đơn giản hoá, gỡ bỏ các rào cản về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp trong tuân thủ TTHC; trong đó, tập trung vào một số lĩnh vực còn phức tạp như: đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, bảo hiểm...

- Kịp thời công bố, cập nhật khi có điều chỉnh, bổ sung và tăng cường kiểm tra việc công bố, công khai thủ tục hành chính ở các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, xã.

- Xây dựng kế hoạch định kỳ và đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, địa phương; phát hiện và xử lý nghiêm khắc, kịp thời việc phát sinh thủ tục, việc nhận trả hồ sơ sai quy trình, trễ hẹn, trả lại hồ sơ, gây phiền hà cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Tổ chức tốt việc tiếp nhận và xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, doanh nghiệp và công dân; đẩy mạnh, tăng cường đối thoại trực tuyến, xây dựng chuyên mục hỏi đáp về việc thực hiện nhiệm vụ và giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp và công dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ; rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, trên cơ sở đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định và nâng cao hiệu quả, hiệu lực việc thực hiện phân cấp và ủy quyền đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước; đồng thời thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý sau phân cấp.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; thường xuyên rà soát, đánh giá, thống kê các nhiệm vụ giao cho các cấp, các ngành; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác giải quyết, tham mưu, thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Tiếp tục duy trì việc tổ chức triển khai, nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND tỉnh. Tiếp tục đầu tư nhân rộng cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại UBND cấp huyện. Mở rộng việc thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” giữa các sở, ban, ngành của tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp xã trong giải quyết các thủ tục hành chính.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tiếp tục triển khai thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức theo Kế hoạch số 2627/KH-UBND ngày 09/8/2013 của UBND tỉnh về việc thực hiện “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2013-2015.

- Hoàn thiện Đề án xác định vị trí việc làm của tinh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm; Tập trung đào tạo, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh, chú trọng đến năng lực và kỹ năng thực thi công vụ, năng lực sáng tạo trong hoạt động thực tiễn; đề cao ý thức, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ CBCCVC, trước hết là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý các cấp từ tỉnh đến cơ sở.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, bản lĩnh chính trị cho CBCCVN, bảo đảm việc bồi dưỡng phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, chú trọng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc, xử lý tình huống, nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước; đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định, trong đó cần tập trung đào tạo đại học chuyên ngành cho công chức cấp xã; thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao phù hợp với điều kiện thực tế về công tác tại tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, tài chính đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tăng cường phân cấp và thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao hơn cho các đơn vị sự nghiệp công lập (nhất là cấp huyện) đồng bộ cả về tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính (từng bước tính đủ giá dịch vụ và giảm trợ cấp ngân sách) có tính đến đặc điểm từng loại hình đơn vị, khả năng, nhu cầu thị trường và trình độ quản lý.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành đồng bộ, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường và tổ chức tốt các buổi giao ban trực tuyến, các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trong toàn tỉnh bằng hình thức trực tuyến; đẩy mạnh thực hiện trao đổi văn bản điện tử thay thế cho văn bản giấy trong quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.

- Công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng thông tin điện tử do các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện trở lên cung cấp. Xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính, tổ chức và cá nhân; đáp ứng yêu cầu đơn giản cải cách thủ tục hành chính; tăng cường giải quyết các thủ tục hành chính thông qua mạng điện tử ở các lĩnh vực: hải quan, thuế, đầu tư, cấp phép kinh doanh...

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2008 gắn kết với việc ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai công tác quy hoạch và xây dựng, bảo đảm chuẩn hóa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn theo quy định.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính

- Xây dựng kế hoạch để triển khai kịp thời và tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2015-2020 của tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra về thực hiện công tác CCHC, thanh tra công vụ; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với CBCCVC gây khó khăn, phiền hà cho cá nhân, doanh nghiệp, vi phạm kỷ luật và đạo đức công vụ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, nội dung cải cách hành chính; các chủ trương, chính sách liên quan đến cải cách hành chính; thành quả đạt được trong cải cách hành chính đến mọi người dân, doanh nghiệp bằng nhiều hình thức. Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ hành chính công và sự nghiệp công của tỉnh để tiếp thu, khắc phục thiếu sót, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch này và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, các Sở ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015 của cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu và trách nhiệm thực hiện cải cách hành chính năm 2015 của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cải cách hành chính theo đúng quy định.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch này; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.//

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Phạm Thế Dũng





Phụ lục
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 709/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của UBND tỉnh)


Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I. Cải cách thể chế	1. Ban hành kịp thời Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2015 của tỉnh; thực hiện trên 80% kế hoạch được phê duyệt; thực hiện đúng quy trình xây dựng VBQPPL.	1. Quyết định ban hành kế hoạch xây dựng VBQPPL của UBND tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	- Sở Tư pháp; - Văn phòng UBND tỉnh.	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	- Ban hành kế hoạch trước ngày 31/12/2014. - Báo cáo đánh giá trong Quý IV năm 2015.
	2. Ban hành kịp thời Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2015; hoàn thành 100% kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và xử lý kết quả rà soát theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tư pháp.	1. Quyết định ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2015 của tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	- Ban hành kế hoạch trước ngày 31/12/2014. - Báo cáo kết quả trong Quý IV năm 2015.
	3. Ban hành kịp thời Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL của tỉnh; thực hiện kiểm tra trên 80% kế hoạch; xử lý hoặc kiến nghị xử lý tất cả các vấn đề qua kiểm tra.	1. Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL của tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	- Ban hành kế hoạch trước ngày 31/12/2014. - Báo cáo kết quả trong Quý IV năm 2015.
II. Cải cách thủ tục hành chính	1. Ban hành kịp thời Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2015 của tỉnh theo quy định của Chính phủ; thực hiện trên 80% kế hoạch; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền.	1. Quyết định ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2015 của tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	- Ban hành kế hoạch trước ngày 31/12/2014. - Báo cáo kết quả trong Quý IV năm 2015.

Handwritten signature

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian được hiện
	Cập nhật công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan theo quy định.	Quyết định công bố TTHC của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh.	Thực hiện thường xuyên
	3. Thực hiện việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh theo đúng quy định của Chính phủ và Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Báo cáo số lượng tiếp nhận và văn bản xử lý lý phản ánh, kiến nghị.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Thực hiện thường xuyên
	4. Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đạt tỷ lệ trên 80%; công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đạt tỷ lệ trên 80%.	- Bảng niêm yết công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; - Danh mục, nội dung TTHC được công khai.	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thực hiện thường xuyên
III. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước	1. Xử lý các chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương về tổ chức bộ máy.	Các quy định về sắp xếp, kiện toàn bộ máy.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Theo quy định
	2. Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện; tỷ lệ kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị; mức độ thực hiện đạt trên 80% kế hoạch, tất cả các vấn đề qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.	1. Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Ban hành kế hoạch trước 31/12/2014

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	Thực hiện các quy định về phân cấp thẩm quyền do Chính phủ ban hành (Nghị quyết 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ); Thực hiện đầy đủ các quy định; kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện đồng thời xử lý các vấn đề về phân cấp qua kiểm tra.	1. Ban hành quy định phân cấp; kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các cơ quan, địa phương. 2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được phân cấp cho các Sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở chuyên ngành theo chức năng	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thực hiện thường xuyên
	4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định 464/QĐ-UBND của UBND tỉnh về kiện toàn nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, một cửa liên thông.	Tiếp tục triển khai theo các mục tiêu của Quyết định 464/QĐ-UBND của UBND tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Theo kế hoạch
IV. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	1. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 2627/KH-UBND ngày 09/8/2013 của UBND tỉnh về thực hiện “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2015.	Tiếp tục triển khai các nội dung của Kế hoạch số 2627/KH-UBND của UBND tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Theo kế hoạch
	2. Thực hiện việc xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm (tỷ lệ cơ quan hành chính có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt trên 60%)	Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tỉnh Gia Lai gửi Bộ Nội vụ phê duyệt.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Hoàn thành trong Quý I/2015
	3. Nâng cao tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thuộc huyện có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt trên 60%.	Đề án vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức tỉnh Gia Lai gửi Bộ Nội vụ phê duyệt.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Hoàn thành trong Quý I/2015
	4. Nâng cao mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt trên 80%.	Thẩm định mô tả vị trí việc làm các cơ quan cấp sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện; báo cáo Bộ Nội vụ.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Hoàn thành trong Quý I/2015

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	Kế hoạch tổ chức tuyển dụng CCVC.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quý II/2015
	Tinh giản biên chế công chức, viên chức theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, xác định đối tượng và tiến độ thực hiện tinh giản biên chế từ năm 2015 – 2021.	Kế hoạch triển khai và lịch thẩm định Đề án của từng cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quý II/2015
	7. Ban hành kịp thời Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC năm 2015 của tỉnh; thực hiện trên 80% kế hoạch.	1. Quyết định Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC năm 2015 của tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Ban hành kế hoạch trước 31/12/2014
	8. Nâng cao năng lực cho công chức làm công tác cải cách hành chính.	Tập huấn kỹ năng cải cách hành chính cho công chức lãnh đạo, quản lý và công chức chuyên trách cải cách hành chính.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quý II/2014
V. Cải cách tài chính công	1. Nâng cao tỷ lệ các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên 80%.	Báo cáo việc giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm.	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quý II/2014
	2. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”.	Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Theo Kế hoạch
VI. Hiện đại hóa nền hành	1. Ban hành kịp thời kế hoạch; mức độ thực hiện kế hoạch trên 80%.	1. Quyết định ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp	Ban hành kế hoạch trước

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn thực hiện
		2015 của tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.		huyện.	31/12/2014
	2. Nâng cao tỷ lệ các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản trên 80%.	Báo cáo việc tổ chức triển khai thực hiện.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Báo cáo định kỳ hàng quý trong năm
	3. Nâng cao mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến; có từ 02 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4.	Quyết định của UBND tỉnh.	Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quý IV/2015
	4. Xây dựng, duy trì chất lượng hoạt động Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo việc tổ chức triển khai thực hiện.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Báo cáo định kỳ hàng quý trong năm
	5. Nâng cao tỷ lệ các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO trên 80%.	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Theo kế hoạch
VII. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	1. Ban hành Kế hoạch CCIIC năm 2015; xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực; xác định cụ thể các kết quả phải đạt được và trách nhiệm triển khai, thực hiện của các cơ quan, đơn vị; Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC phải trên 80%.	1. Quyết định ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai năm 2015. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Nội vụ	Các Sở: Tư pháp, Tài Chính, Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông.	Ban hành kế hoạch trước 31/12/2014
	2. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2015; mức độ thực hiện kế hoạch trên 80%.	1. Quyết định ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh. 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Sở Nội vụ	Các Sở: Tư pháp, Tài Chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Ban hành kế hoạch trước 31/12/2014

Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	3. Triển khai đánh giá cải cách hành chính theo Đề chỉ số cải cách hành chính của Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quyết định phê duyệt Chỉ số CCHC năm 2014 của các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Nội vụ	- Hội đồng thẩm định; - Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quý II/2015
	4. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo công tác CCHC; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng.	Báo cáo CCHC đầy đủ về số lượng; đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định (02 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu).	Sở Nội vụ	Các Sở: Tư pháp, Tài Chính, Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông.	Theo quy định
	5. Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC đối với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện; kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị; mức độ thực hiện kế hoạch trên 80% và xử lý hoặc kiến nghị xử lý tất cả các vấn đề qua kiểm tra.	1. Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra.	Sở Nội vụ	Các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh.	Quý I năm 2015
2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.		Quý II năm 2015			
	6. Tổng kết triển khai thực hiện Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính tỉnh, huyện, xã giai đoạn 2011-2015.	Hội nghị tổng kết	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Trong tháng 6/2015
	7. Sơ kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 1 (2011-2015) của tỉnh.	Hội nghị sơ kết	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Trong tháng 10/2015